

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai dự toán thu-chi ngân sách năm 2026

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG VINH THÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 2299/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh An Giang về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026 cho Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của HĐND phường Vinh Thông khóa V, kỳ họp thứ năm về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của HĐND phường Vinh Thông khóa V, kỳ họp thứ năm về việc phân bổ chi ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 07 tháng 01 năm 2026 của HĐND phường Vinh Thông khóa V, kỳ họp thứ sáu về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2026 bằng nguồn vốn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương trên địa bàn phường Vinh Thông;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế, Hà tăng và Đô thị phường Vinh Thông tại Tờ trình số 37/TTr-KTHTĐT ngày 20 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu - chi ngân sách năm 2026 của UBND phường Vinh Thông (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường; Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường; Thủ trưởng các đơn vị được giao dự toán thu, chi và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- TT. Đảng ủy phường;
- TT. HĐND phường;
- CT, các PCT UBND phường;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KTHTĐT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Ngô Việt Trung



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 178 /QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2026)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1	2	3
	TỔNG CHI	212.844.000.000	8.211.000.000	204.633.000.000
1	Chi an ninh quốc phòng	7.993.000.000		7.993.000.000
	- Chi dân quân tự vệ	4.188.000.000		4.188.000.000
	- Chi an ninh trật tự	3.805.000.000		3.805.000.000
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	111.975.000.000		111.975.000.000
3	Chi sự nghiệp y tế	0		
4	Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin	1.058.000.000		1.058.000.000
5	Chi phát thanh, truyền thanh	200.000.000		200.000.000
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	350.000.000		350.000.000
7	Chi sự nghiệp môi trường	3.400.000.000		3.400.000.000
8	Chi sự nghiệp kinh tế	22.244.000.000	6.211.000.000	16.033.000.000
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	40.634.000.000	2.000.000.000	38.634.000.000
	- Quản lý nhà nước	28.415.800.000		28.415.800.000
	- Đảng	6.988.810.000		6.988.810.000
	- Các đoàn thể	3.229.390.000		3.229.390.000
10	Chi đảm bảo xã hội	10.936.000.000		10.936.000.000
11	Chi khác (chi mua sắm sửa chữa và chi khác)	2.741.000.000		2.741.000.000
12	Dự phòng	4.031.000.000		4.031.000.000
13	Chi các chương trình mục tiêu	7.282.000.000		7.282.000.000
	Kinh phí thực hiện chính sách bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP	3.929.000.000		3.929.000.000
	Kinh phí hỗ trợ địa phương theo diện tích sản xuất lúa theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP	3.353.000.000		3.353.000.000

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2026)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2
	TỔNG THU	51.000.000.000	212.844.000.000
I	Các khoản thu 100%	3.870.000.000	2.270.000.000
	Phí, lệ phí	200.000.000	200.000.000
	Đóng góp của nhân dân theo quy định		
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		
	Thu khác	3.670.000.000	2.070.000.000
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	47.130.000.000	33.341.000.000
1	Các khoản thu phân chia	22.430.000.000	16.841.000.000
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	30.000.000	30.000.000
	- Thuế tiền sử dụng đất	13.800.000.000	8.211.000.000
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		
	- Lệ phí trước bạ	8.600.000.000	8.600.000.000
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	24.700.000.000	16.500.000.000
	- Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý:	-	
	Thuế GTGT (VAT)		
	Thuế TNDN		
	- Thuế công thương nghiệp	16.500.000.000	16.500.000.000
	Thuế GTGT	13.500.000.000	13.500.000.000
	Thuế TNDN	3.000.000.000	3.000.000.000
	Thuế tiêu thụ đặc biệt		
	Thuế tài nguyên		
	- Thuế thu nhập cá nhân	8.200.000.000	
	- Thuế thuế bảo vệ môi trường		
	- Thuế tiền cấp quyền khai thác TN		
	- Thu khác		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV	Thu chuyển nguồn		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	-	177.233.000.000
	- Thu bổ sung cân đối		142.861.000.000
	- Thu bổ sung có mục tiêu		7.282.000.000
	- Thu bổ sung nguồn thực hiện cải cách tiền lương		27.090.000.000

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2026*(Kèm theo Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2026)*

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	212.844.000.000	TỔNG SỐ CHI	212.844.000.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	10.900.000.000	I. Chi đầu tư phát triển	8.211.000.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ⁽¹⁾	24.711.000.000	II. Chi thường xuyên	193.320.000.000
III. Thu bổ sung	177.233.000.000	III. Dự phòng	4.031.000.000
- <i>Bổ sung cân đối</i>	<i>142.861.000.000</i>	IV. Chi các chương trình mục tiêu	7.282.000.000
- <i>Thu bổ sung nguồn thực hiện cải cách tiền lương</i>	<i>27.090.000.000</i>		
- <i>Bổ sung có mục tiêu</i>	<i>7.282.000.000</i>		
IV. Thu chuyển nguồn			



DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN PHƯỜNG NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2026)

Đơn vị: đồng

Stt	Tên công trình	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2025				
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn		
									Nguồn đóng góp	Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn NSTW
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	TỔNG SỐ		38.500.000.000				8.211.000.000			8.211.000.000	
1.	Công trình khởi công mới		38.500.000.000				8.211.000.000			8.211.000.000	
	Xây dựng nhà tạm Trung tâm tổng hợp phường		2.000.000.000				2.000.000.000			2.000.000.000	
	Trồng cây xanh trên địa bàn phường Vĩnh Thông		5.000.000.000				1.500.000.000			1.500.000.000	
	Hệ thống chiếu sáng trên địa bàn phường Vĩnh Thông		7.000.000.000				1.000.000.000			1.000.000.000	
	Đầu tư các công viên trên địa bàn phường Vĩnh thông (công viên cạnh Trung tâm hành chính công và dưới đường gầm cầu Rạch Giá 2)		7.000.000.000				1.000.000.000			1.000.000.000	
	Cầu dây ốc		8.500.000.000				1.000.000.000			1.000.000.000	
	Cầu cây sao		9.000.000.000				1.711.000.000			1.711.000.000	